

Bản án số: **106/2024/DS-ST**
Ngày: 10-9-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

2. Ông Trương Văn Thắng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 304/2024/TLST-DS ngày 19/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 248/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1986; Trú tại: Số A, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số D đường N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1989; Trú tại: Số D, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do là bạn bè quen biết, đầu tháng 12/2023 bà Lê Thị Ngọc Đ hỏi mượn ông T số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng. Ngày 04/12/2023, tại Văn phòng C, ông T và bà Đ ký hợp đồng vay tiền và ông T đã giao cho bà Đ đủ số tiền 400.000.000 đồng sau khi hợp đồng được công chứng. Nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 04/12/2023, lãi suất tự thỏa thuận, tiền lãi trả vào ngày 04 tây mỗi tháng. Hết thời hạn vay trong hợp đồng nhưng bà Đ không thực hiện theo cam kết, không trả tiền lãi và tiền gốc cho ông T.

Ông Lê Minh T yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Đ trả số tiền vay nợ là 400.000.000 đồng, ông T tự nguyện rút yêu cầu tính lãi, không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Bà Lê Thị Ngọc Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát có văn bản không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do chính đáng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Đ có nơi cư trú tại số D, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Lê Minh T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Đ trả số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản chính hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2023. Hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2023 được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng số 3793, quyền số 05/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lê Thị Ngọc Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, không có lời trình bày nào khác mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cùng với toàn bộ hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T, buộc bà Lê Thị Ngọc Đ trả số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng. Ông Lê Minh T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lê Thị Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định.
- Hoàn trả cho ông Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T đối với bà Lê Thị Ngọc Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Lê Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh T số tiền nợ là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông Lê Minh T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Lê Thị Ngọc Đ phải chịu án phí số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.
- Hoàn lại cho ông Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí là 10.385.000 (Mười triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000615 ngày 14/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Hiền

